

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỎ DI TÍCH
VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN TU BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương (đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) theo Quyết định chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước số 4651/QĐ-BVHTT ngày 09/10/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu ngày 13/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 26/06/2009 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 28/06/2010.

Tên giao dịch: Vietnam Joint Stock Company for Restoration of Monuments and Cultural Equipments

Tên viết tắt: VINAREMON., JSC

Trụ sở chính: Số 489 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Bá Cử	Chủ tịch
Ông Bùi Triệu Xạ	Thành viên
Ông Phạm Văn Phú	Thành viên
Ông Trần Quốc Chung	Thành viên
Ông Trần Văn Khanh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Bá Cử	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Bùi Triệu Xạ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đoàn Bá Cử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội.

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: info@cpavietnam.vn
Website: www.cpavietnam.vn

Số: 204 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán và xử lý kế toán

Chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia quan sát kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tại 31/12/2010, các thủ tục thay thế cũng chưa giúp chúng tôi có đầy đủ bằng chứng phù hợp để đưa ra ý kiến về các số dư tại ngày này.

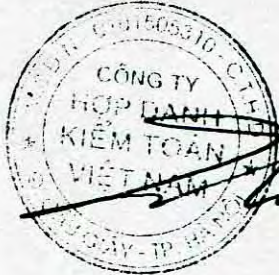
Do hạn chế về cách thức theo dõi của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục cần thiết để kiểm toán khoản mục công nợ phải thu, tạm ứng, phải trả của Công ty theo các yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Trong năm 2010, Công ty đang ghi nhận doanh thu của một số công trình trên cơ sở thu được tiền từ chủ đầu tư và phát hành hóa đơn tài chính, chưa căn cứ đầy đủ trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu khối lượng thanh toán và phiếu giá của chủ đầu tư.

Trong năm 2010, Công ty thực hiện tạm kết chuyển giá vốn theo tỷ lệ giao khoán khối lượng trên tổng giá trị thanh toán với chủ đầu tư. Hồ sơ quyết toán nội bộ bao gồm quyết toán giá trị giao khoán trên doanh thu chưa kèm theo các quyết toán về vật tư, nhân công, chi phí chung và các chi phí khác.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

Ngày: 22 -04- 2011

Số CT: 1583 Quyển số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thúy Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS TM	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100	173.650.678.770	147.825.470.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	22.324.260.144	12.480.188.862
1. Tiền	111 5.1	22.324.260.144	12.480.188.862
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	28.134.725.756	29.800.862.060
1. Phải thu khách hàng	131	7.413.739.862	17.476.260.396
2. Trả trước cho người bán	132	17.519.055.197	10.125.584.805
3. Các khoản phải thu khác	135 5.2	4.091.879.417	3.067.596.576
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(889.948.720)	(868.579.717)
IV. Hàng tồn kho	140	56.286.072.154	44.219.778.591
1. Hàng tồn kho	141 5.3	56.286.072.154	44.219.778.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	66.905.620.716	61.324.641.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	56.697.109
4. Tài sản ngắn hạn khác	158 5.4	66.905.620.716	61.267.944.095
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200	3.527.454.445	3.020.790.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	3.491.033.625	2.975.506.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221 5.5	802.134.324	1.101.323.859
<i>Nguyên giá</i>	222	1.749.138.382	3.265.668.778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(947.004.058)	(2.164.344.919)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 5.6	2.688.899.301	1.874.182.968
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	36.420.820	45.283.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 5.7	36.420.820	45.283.197
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270	177.178.133.215	150.846.260.741

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỐ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS TM	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	157.771.247.905	132.014.055.756
I. Nợ ngắn hạn	310	157.440.115.062	131.782.934.045
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 5.8	12.134.000.000	6.300.000.000
2. Phải trả người bán	312	57.597.147.924	63.031.540.768
3. Người mua trả tiền trước	313	68.002.256.180	47.947.793.849
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.9	1.050.238.645	1.756.186.029
5. Phải trả người lao động	315	1.081.340.755	725.136.787
6. Chi phí phải trả	316	1.436.829.188	51.643.642
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.10	16.113.921.525	11.903.823.587
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	24.380.845	66.809.383
II. Nợ dài hạn	330	331.132.843	231.121.711
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	331.132.843	231.121.711
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	19.406.885.310	18.832.204.985
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.11	19.406.885.310	18.832.204.985
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11.486.000.000	11.486.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	3.355.519.360	3.355.519.360
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	663.891.537	663.891.537
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1.013.677	771.126
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	588.742.582	343.395.782
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	551.093.758	428.420.358
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	3.175.467	2.625.703
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.757.448.929	2.551.581.119
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	177.178.133.215	150.846.260.741

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MS TM	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)	007	519,91	519,38



Đoàn Bá Cử

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Kim Dung

Phạm Kim Dung

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		161.608.917.312	140.339.214.707
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		342.066.202	4.865.038.347
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.12	161.266.851.110	135.474.176.360
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	151.905.960.653	126.910.110.197
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.360.890.457	8.564.066.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	821.776.108	235.869.831
7. Chi phí tài chính	22	5.14	1.130.306.766	752.294.874
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		987.772.583	752.005.085
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.15	5.462.833.124	4.736.396.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.589.526.675	3.311.244.857
11. Thu nhập khác	31	5.16	236.956.227	10.809.091
12. Chi phí khác	32	5.16	149.884.330	50.763.231
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		87.071.897	(39.954.140)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.676.598.572	3.271.290.717
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.17	919.149.643	817.822.679
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.757.448.929	2.453.468.038
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	2.401	2.136



Đoàn Bá Cử

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Kim Dung

Phạm Kim Dung

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỔ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.676.598.572	3.271.290.717
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	264.716.448	297.426.218
- Các khoản dự phòng	03	21.369.003	84.165.087
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(822.276.108)	(235.869.831)
- Chi phí lãi vay	06	987.772.583	752.005.085
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	4.128.180.498	4.169.017.276
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(7.039.144.135)	(16.779.974.749)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(12.066.293.563)	(37.803.243.546)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	30.969.540.291	34.247.045.598
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	8.862.377	72.365.134
- Tiền lãi vay đã trả	13	(987.772.583)	(752.005.085)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.011.149.914)	(1.269.040.548)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.428.599.883
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(476.658.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.002.222.971	(17.163.894.709)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.100.796.474)	(1.975.450.839)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	821.776.108	235.869.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(278.520.366)	(1.739.581.008)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	-	5.181.800.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.100.000.000	14.988.718.621
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.300.000.000)	(12.774.519.067)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.680.645.000)	(1.293.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.880.645.000)	6.102.479.554
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	9.843.057.605	(12.800.996.163)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.480.188.862	25.280.413.899
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.013.677	771.126
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	22.324.260.144	12.480.188.862



Đoàn Bá Cử

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Kim Dung

Phạm Kim Dung

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TU BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương (đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) theo Quyết định chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước số 4651/QĐ-BVHTT ngày 09/10/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu ngày 13/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03/04/2008 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 28/06/2010.

Tên giao dịch: VIETNAM JOINT STOCK COMPANY FOR RESTORATION OF MONUMENTS AND CULTURAL EQUIPMENTS

Tên viết tắt: VINAREMON., JSC

Địa chỉ trụ sở chính: số 489 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 là 11.486.000.000 đồng, vốn điều lệ được chia thành 1.148.600 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 bao gồm:

Stt	Tên Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (so với Vốn điều lệ)
1	Vốn Nhà nước	281.700	24,53%
2	Ông Đoàn Bá Cử	36.810	3,20%
3	Ông Tạ Hoài Hạnh	105.000	9,14%
4	Ông Trần Văn Khanh	112.670	9,81%
5	Ông Bùi Triệu Xạ	76.910	6,70%
6	Ông Hồ Hữu Hành	46.000	4,00%
7	Ông Phạm Văn Phú	37.010	3,22%
8	Ông Đặng Hữu Có	12.120	1,06%
9	Ông Phạm Quang Bản	11.670	1,02%
10	Bà Phạm Kim Dung	17.054	1,48%
11	Bà Vũ Thị Thi	11.070	0,96%
12	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	15.960	1,39%
13	Bà Phạm Thúy Ngọc	11.820	1,03%

Các đơn vị trực thuộc Công ty

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương tại Miền Trung

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hóa Trung ương tại Miền Nam

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình, dự toán và tổng dự toán đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, thiết kế các công trình dân dụng và các công trình công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ, thẩm tra, thẩm định hồ sơ đấu thầu thiết kế (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề cho phép), thi công các dự án tu bổ di tích, giám sát thi công xây dựng: dân dụng và công nghiệp;
- Thi công tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hoá, thi công các công trình cầu, đường trong khu di tích hoặc liên quan đến khu di tích. Xây dựng công trình dân dụng và công trình khác;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Thi công các loại tượng đài và tranh hoành tráng;
- Chế biến và kinh doanh các mặt hàng từ gỗ, kinh doanh các sản phẩm văn hoá truyền thống, sản phẩm mộc mỹ nghệ, mộc nội thất, phục trang, đạo cụ nghệ thuật đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu;
- Kinh doanh các vật liệu cho tu bổ di tích, xây dựng công trình văn hoá;
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa thiết bị kỹ thuật, thiết bị nội thất cho ngành văn hoá và cho dân dụng. Sản xuất, thiết kế các chi tiết, lắp ráp và sửa chữa các thiết bị cơ khí, điện, vô tuyến điện từ phục vụ cho ngành văn hoá và dân dụng;
- Kinh doanh các dịch vụ văn hoá- thể thao- du lịch nghỉ ngơi giải trí (trừ loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);
- Tư vấn, môi giới hợp tác đầu tư(không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính);
- Xuất, nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh các thiết bị, vật tư, sản phẩm phục vụ ngành văn hoá và nhu cầu xã hội theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn, môi giới đầu tư, kinh doanh và cho thuê nhà;
- Tư vấn, quản lý dự án, kiểm định và đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng;
- Thiết kế, thi công hệ thống phòng chống mối mọt;
- Thi công xây dựng các công trình kết cấu thép, công trình thể thao, các công trình phát triển hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm hạ thế đến 35KV và các công trình cấp thoát nước;
- Bảo quản, tu sửa, phục chế cổ vật, tranh và các hiện vật bảo tàng.

Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thi công các công trình tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; tư vấn thiết kế, lập hồ sơ và thẩm định hồ sơ các dự án tu bổ di tích và các dịch vụ khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Công ty đang thực hiện phân bổ công cụ dụng cụ trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TU BỎ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	523.465.180	424.836.589
Tiền gửi Ngân hàng	21.800.794.964	12.055.352.273
Tổng	22.324.260.144	12.480.188.862

5.2 Phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	223.907.804	105.874.120
- Văn phòng Công ty	198.997.867	81.862.246
- Chi nhánh miền Trung	24.909.937	24.011.874
Các đội thi công	167.387.873	168.945.098
Phải thu tiền khấu hao, tiền thuê đất	62.033.543	237.051.835
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	8.957.624	3.405.900
Ban chuẩn bị Đầu tư dự án 69 Vũ Trọng Phụng	1.691.042.306	1.398.293.727
Tạm ứng cổ tức năm 2009 (không bao gồm SCIC)	823.555.000	693.520.000
Phải thu khác	1.114.995.267	460.505.896
Tổng	4.091.879.417	3.067.596.576

CÔNG TY CỔ PHẦN TU BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	56.286.072.154	44.219.778.591
Tổng	56.286.072.154	44.219.778.591

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng (*)	66.880.620.716	60.830.299.095
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	437.645.000
Tổng	66.905.620.716	61.267.944.095

(*) Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2010 là các khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương, tiền công nhưng chưa làm các thủ tục thanh toán hoặc hoàn ứng.

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	2.159.467.589	14.285.714	916.195.389	175.720.086	3.265.668.778
Tăng trong năm	-	-	-	21.181.818	21.181.818
Xây dựng mới	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	21.181.818	21.181.818
Giảm trong năm	1.523.426.500	-	-	14.285.714	1.537.712.214
Thanh lý, nhượng	1.523.426.500	-	-	-	1.523.426.500
Giảm khác	-	-	-	14.285.714	14.285.714
Tại ngày 31/12	636.041.089	14.285.714	916.195.389	182.616.190	1.749.138.382
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	1.640.607.678	3.809.533	434.548.135	85.379.573	2.164.344.919
Tăng trong năm	114.207.052	-	99.361.943	51.147.453	264.716.448
Trích khấu hao	114.207.052	-	99.361.943	51.147.453	264.716.448
Giảm trong năm	1.476.104.912	-	-	5.952.397	1.482.057.309
Thanh lý, nhượng	1.476.104.912	-	-	-	1.476.104.912
Giảm khác	-	-	-	5.952.397	5.952.397
Tại ngày 31/12	278.709.818	3.809.533	533.910.078	130.574.629	947.004.058
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	518.859.911	10.476.181	481.647.254	90.340.513	1.101.323.859
Tại ngày 31/12	357.331.271	10.476.181	382.285.311	52.041.561	802.134.324

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 502.312.111 đồng. Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2010 là 375.333.949 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trụ sở CN Miền Trung	2.664.696.483	1.856.091.968
Dự án 69 Vũ Trọng Phụng	24.202.818	18.091.000
Tổng	2.688.899.301	1.874.182.968

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
CCDC chờ phân bổ	36.420.820	45.283.197
Tổng	36.420.820	45.283.197

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	12.134.000.000	6.300.000.000
NH Công thương Việt Nam - CN Đồng Đa	8.034.000.000	5.100.000.000
NH Ngoại thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	4.100.000.000	1.200.000.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng	12.134.000.000	6.300.000.000

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	684.012.207	1.305.914.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.069.937	200.241.345
Thuế thu nhập cá nhân	12.156.501	4.201.600
Các loại thuế khác	-	245.828.863
Tổng	1.050.238.645	1.756.186.029

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.490.194	1.804.194
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	18.620.816	14.489.009
Phải trả về cổ phần hóa	-	2.167.718
Bảo hiểm thất nghiệp	1.540.719	5.774.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.079.269.796	11.879.588.666
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Long Giang (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP ĐT & PT Long Giang - lãi tiền gửi (**)	922.114.293	649.761.868
Nhận ứng công trình tu bổ Chùa Phật tích (***)	10.000.000.000	6.000.000.000
Phải trả Công trình Vò mộ LS - Trà Võ - Tây Ninh	-	23.000.000
Phải trả khác	157.155.503	206.826.798
Tổng	16.113.921.525	11.903.823.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỎ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(*) Đây là khoản tiền do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Giang chuyển vào tài khoản của Ban chuẩn bị đầu tư của Dự án hợp tác kinh doanh xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 396/2007/HTKD ngày 27/09/2007 giữa 2 Công ty. Mục đích sử dụng của tài khoản này là phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư dự án. Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án là 100 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Giang thực hiện góp 64% tổng vốn đầu tư. Dự án trên đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(**) Đây là khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn trên số dư của tài khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Giang.

(***) Theo Biên bản cam kết 04 bên về việc tham gia tu bổ Chùa Phật Tích ngày 25/02/2008 giữa Chùa Phật Tích, Quỹ Thiện Tâm Công ty Vincom, Sở VH TT Bắc Ninh và Công ty, Quỹ Thiện tâm Công ty Vincom sẽ ứng vốn 70% trong tổng số 18.955.763.000 đồng giá trị xây lắp của dự án để mua toàn bộ vật liệu. Đến 31/12/2010, Quỹ Thiện tâm Công ty Vincom đã thực hiện ứng vốn với số tiền 10.000.000.000 đồng cho Công ty để phục vụ thi công.

5.11 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn Nhà nước	2.817.000.000	2.817.000.000
Ông Đoàn Bá Cử	368.100.000	575.100.000
Ông Tạ Hoài Hạnh	1.050.000.000	1.050.000.000
Ông Trần Văn Khanh	1.126.700.000	1.146.200.000
Ông Bùi Triệu Xạ	769.100.000	805.100.000
Ông Hồ Hữu Hành	460.000.000	708.500.000
Ông Phạm Văn Phú	370.100.000	370.100.000
Ông Đặng Hữu Có	121.200.000	-
Ông Phạm Quang Bản	116.700.000	116.700.000
Bà Phạm Kim Dung	170.540.000	170.540.000
Bà Vũ Thị Thi	110.700.000	91.200.000
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	159.600.000	159.600.000
Bà Phạm Thúy Ngọc	118.200.000	75.200.000
Các cổ đông khác	3.728.060.000	3.400.760.000
Tổng	11.486.000.000	11.486.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.486.000.000	7.500.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	3.986.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.486.000.000	11.486.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.550.610.000	1.293.520.000

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.148.600	1.148.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	1.148.600	1.148.600
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.148.600</i>	<i>1.148.600</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.148.600	1.148.600
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.148.600</i>	<i>1.148.600</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỎ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Năm 2009									
Tại ngày 01/01	7.500.000.000	2.159.719.360	663.891.537	-	305.729.263	46.599.557	-	1.703.821.901	12.379.761.618
Tăng trong năm	3.986.000.000	1.195.800.000	-	343.395.782	122.691.095	49.056.540	771.126	2.453.468.038	8.151.182.581
Tăng vốn	3.986.000.000	1.195.800.000							5.181.800.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	2.453.468.038	2.453.468.038
Trích lập quỹ	-	-	-	343.395.782	122.691.095	49.056.540	-	-	515.143.417
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	771.126	-	771.126
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	93.030.394	-	1.605.708.820	1.698.739.214
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	1.605.708.820	1.605.708.820
Chi quỹ và giảm khác	-	-	-	-	-	93.030.394	-	-	93.030.394
Tại ngày 31/12	11.486.000.000	3.355.519.360	663.891.537	343.395.782	428.420.358	2.625.703	771.126	2.551.581.119	18.832.204.985
Năm 2010									
Tại ngày 01/01	11.486.000.000	3.355.519.360	663.891.537	343.395.782	428.420.358	2.625.703	771.126	2.551.581.119	18.832.204.985
Tăng trong năm	-	-	-	245.346.800	122.673.400	122.673.400	1.013.677	2.757.448.929	3.249.156.206
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	2.757.448.929	2.757.448.929
Trích quỹ	-	-	-	245.346.800	122.673.400	122.673.400	-	-	490.693.600
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	1.013.677	-	1.013.677
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	122.123.636	771.126	2.551.581.119	2.674.475.881
Chia cổ tức và trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-	2.551.581.119	2.551.581.119
Chi quỹ và giảm khác	-	-	-	-	-	122.123.636	771.126	-	122.894.762
Tại ngày 31/12	11.486.000.000	3.355.519.360	663.891.537	588.742.582	551.093.758	3.175.467	1.013.677	2.757.448.929	19.406.885.310

CÔNG TY CỔ PHẦN TU BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu tu bổ di tích	160.131.026.493	136.519.082.178
Doanh thu thiết bị văn hoá	-	1.466.370.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.477.890.819	2.353.762.529
Tổng	161.608.917.312	140.339.214.707
Các khoản giảm trừ	342.066.202	4.865.038.347
Doanh thu thuần	161.266.851.110	135.474.176.360

5.13 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn tu bổ di tích	150.566.825.164	123.552.217.797
Giá vốn thiết bị văn hoá	-	1.403.315.400
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.339.135.489	1.954.577.000
Tổng	151.905.960.653	126.910.110.197

5.14 Doanh thu/ Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	821.776.108	235.869.831
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Tổng	821.776.108	235.869.831
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	987.772.583	752.005.085
Chi phí hoạt động tài chính khác	142.534.183	289.789
Tổng	1.130.306.766	752.294.874
Thu nhập tài chính - thuần	(308.530.658)	(516.425.043)

5.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.413.216.323	2.974.924.919
Chi phí vật liệu quản lý, văn phòng phẩm	98.293.459	118.140.081
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.457.103	114.858.578
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.405.387	144.613.045
Thuế, phí, lệ phí	416.324.390	345.542.550
Chi phí dự phòng	121.380.135	84.165.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.836.406	543.800.068
Chi phí bằng tiền khác	748.919.921	410.351.935
Tổng	5.462.833.124	4.736.396.263

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỒ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU B 09 - DN

5.16 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	500.000	400.000
Thu nhập khác	236.456.227	10.409.091
Tổng	236.956.227	10.809.091
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
Chi phí khác	149.884.330	50.763.231
Tổng	149.884.330	50.763.231
Lợi nhuận khác	87.071.897	(39.954.140)

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.676.598.572	3.271.290.717
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận tính thuế	3.676.598.572	3.271.290.717
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	919.149.643	817.822.679
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	919.149.643	817.822.679

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là 1.148.600 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.757.448.929	2.453.468.038
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	2.757.448.929	2.453.468.038
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.148.600	1.148.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.401	2.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ BỐ DI TÍCH VÀ THIẾT BỊ VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lương và phụ cấp	368.523.250	569.321.902
Tổng	368.523.250	569.321.902

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Đoàn Bá Cử

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Phạm Kim Dung

Phạm Kim Dung

Kế toán trưởng

